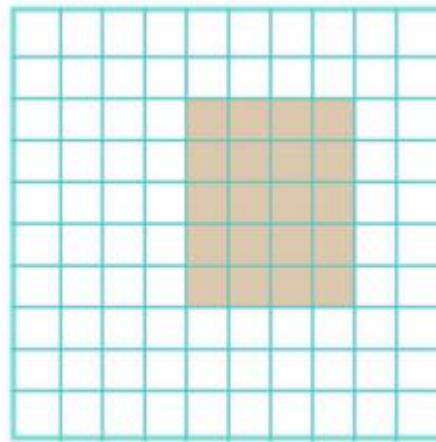


Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1**Môn: Toán – Lớp 5****Bộ sách: Cánh diều***Thời gian làm bài: 40 phút***I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)****Câu 1.** Phần tô màu chiếm bao nhiêu phần trăm của cả hình ?

- A.** 0,02% **B.** 0,08% **C.** 20% **D.** 80%

Câu 2. Kết quả của phép tính $765,9 \times 0,001$ là:

- A.** 7,659 **B.** 765 900 **C.** 0,7659 **D.** 7 659 000

Câu 3. Giá trị của biểu thức $28,7 + 34,5 \times 2,4$ là:

- A.** 151,68 **B.** 111,5 **C.** 103,38 **D.** 120,43

Câu 4. Tỉ số phần trăm nào biểu diễn phân số $\frac{8}{25}$?

- A.** 25 % **B.** 8 % **C.** 30 % **D.** 32 %

Câu 5. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000, quãng đường từ A đến B dài 6 cm. Vậy độ dài thực tế của quãng đường đó là:

- A.** 60 km **B.** 6 km **C.** 0,6 km **D.** 0,06 km

Câu 6. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

- A.** 192 lít **B.** 112,5 lít **C.** 108 lít **D.** 115,2 lít

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

- a) $658,3 + 96,28$ b) $93,813 - 46,47$ c) $37,14 \times 82$ d) $308 : 5,5$

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $7,68 \text{ m}^2 = \dots \text{ cm}^2$

b) $8,02 \text{ km}^2 = \dots \text{ ha}$

c) 3 tấn 7 yến = tấn

d) 2 ha 150 m² = ha

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) $5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74$

b) $0,25 \times 8 \times 4 \times 0,5 \times 0,125 \times 2$

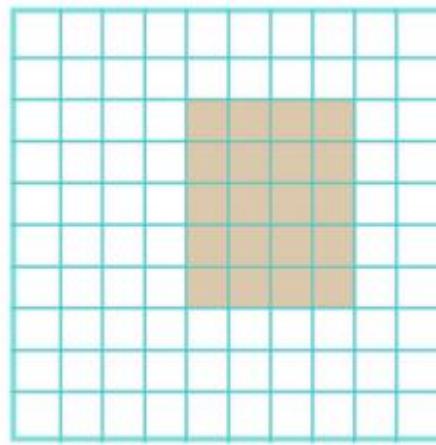
c) $20,06 \times 71,15 + 28,85 \times 20,06$

Câu 4. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phần tô màu chiếm bao nhiêu phần trăm của cả hình ?



- A. 0,02% B. 0,08% C. 20% D. 80%

Phương pháp

- Tìm tỉ số giữa số ô vuông được tô màu và tổng số ô vuông.
- Chuyển về dạng tỉ số phần trăm

Lời giải

Trong hình vẽ có 100 ô vuông, có 20 ô vuông được tô màu.

Phần tô màu chiếm số phần trăm của cả hình là $\frac{20}{100} = 20\%$

Đáp án: C

Câu 2. Kết quả của phép tính $765,9 \times 0,001$ là:

- A. 7,659 B. 765 900 C. 0,7659 D. 7 659 000

Phương pháp

Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có $765,9 \times 0,001 = 0,7659$

Đáp án: C

Câu 3. Giá trị của biểu thức $28,7 + 34,5 \times 2,4$ là:

- A. 151,68 B. 111,5 C. 103,38 D. 120,43

Phương pháp

Thực hiện phép tính nhân trước, phép tính cộng sau.

Lời giải

$$28,7 + 34,5 \times 2,4 = 28,7 + 82,8 = 111,5$$

Đáp án: B

Câu 4. Tỉ số phần trăm nào biểu diễn phân số $\frac{8}{25}$?

- A. 25 % B. 8 % C. 30 % D. 32 %

Phương pháp

- Chuyển phân số về dạng phân số thập phân có mẫu số là 100
- Viết về dạng tỉ số phần trăm

Lời giải

Ta có $\frac{8}{25} = \frac{8 \times 4}{25 \times 4} = \frac{32}{100} = 32\%$

Đáp án: D

Câu 5. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000, quãng đường từ A đến B dài 6 cm. Vậy độ dài thực tế của quãng đường đó là:

- A. 60 km B. 6 km C. 0,6 km D. 0,06 km

Phương pháp

Độ dài thực tế = Độ dài trên bản đồ x số lần thu nhỏ của bản đồ

Lời giải

Độ dài thực tế của quãng đường đó là: $6 \times 1\,000 = 6\,000$ (cm)

Đổi: $6\,000$ cm = 0,06 km

Đáp án: D

Câu 6. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

- A. 192 lít B. 112,5 lít C. 108 lít D. 115,2 lít

Phương pháp

- Tìm số lít dầu trong mỗi can
- Tìm số lít dầu trong 24 can

Lời giải

Số lít dầu trong mỗi can là: $168 : 35 = 4,8$ (lít)

24 can dầu như thế có tất cả số lít dầu là: $4,8 \times 24 = 115,2$ (lít)

Đáp án: D**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính

- a) $658,3 + 96,28$ b) $93,813 - 46,47$ c) $37,14 \times 82$ d) $308 : 5,5$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo quy tắc đã học

Lời giải

$$\begin{array}{r} 658,3 \\ + 96,28 \\ \hline 754,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93,813 \\ - 46,47 \\ \hline 47,343 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37,14 \\ \times \quad 82 \\ \hline 74,28 \\ 2971,2 \\ \hline 3045,48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3080 \\ \hline 330 \quad | \quad 55 \\ \hline 00 \end{array}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

- a) $7,68 \text{ m}^2 = \dots \text{ cm}^2$ b) $8,02 \text{ km}^2 = \dots \text{ ha}$
 c) $3 \text{ tấc } 7 \text{ yến} = \dots \text{ tấc}$ d) $2 \text{ ha } 150 \text{ m}^2 = \dots \text{ ha}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ m}^2 = 10000 \text{ cm}^2$; $1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$

$$1 \text{ yến} = \frac{1}{100} \text{ tấc}; 1 \text{ m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha}$$

Lời giải

- a) $7,68 \text{ m}^2 = \mathbf{76\,800} \text{ cm}^2$ b) $8,02 \text{ km}^2 = \mathbf{802} \text{ ha}$
 c) $3 \text{ tấc } 7 \text{ yến} = \mathbf{3,07} \text{ tấc}$ d) $2 \text{ ha } 150 \text{ m}^2 = \mathbf{2,015} \text{ ha}$

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất

- a) $5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74$
 b) $0,25 \times 8 \times 4 \times 0,5 \times 0,125 \times 2$
 c) $20,06 \times 71,15 + 28,85 \times 20,06$

Phương pháp

- a) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng
 b) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân
 c) Áp dụng công thức $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

Lời giải

$$\text{a)} 5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74 = (5,26 + 4,74) + (8,85 + 1,15)$$

$$= 10 + 10$$

$$= 20$$

$$\text{b)} 0,25 \times 8 \times 4 \times 0,5 \times 0,125 \times 2 = (0,25 \times 4) \times (8 \times 0,125) \times (0,5 \times 2)$$

$$= 1 \times 1 \times 1 = 1$$

$$\begin{aligned}
 \text{c) } 20,06 \times 71,15 + 28,85 \times 20,06 &= 20,06 \times (71,15 + 28,85) \\
 &= 20,06 \times 100 \\
 &= 2006
 \end{aligned}$$

Câu 4. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Phương pháp

- Tìm số mét vải bị co lại
- Tìm chiều dài tấm vải sau khi giặt = Chiều dài tấm vải ban đầu - số mét vải bị co lại

Lời giải

Sau khi giặt, tấm vải bị co lại số mét là:

$$24,5 : 100 \times 2 = 0,49 \text{ (m)}$$

Sau khi giặt, tấm vải dài số mét là:

$$24,5 - 0,49 = 24,01 \text{ (m)}$$

Đáp số: 24,01 mét